

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, mã số chuyên ngành: 9229030.04 ✓



Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, Trường phòng Tổ chức – Cán bộ, Trường phòng Kế hoạch – Tài chính, Trường khoa Văn học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

 HIỆU TRƯỞNG

*GS.TS Hoàng Anh Tuấn

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

NGÀNH: VĂN HỌC
MÃ SỐ: 9229030.04

CHUYÊN NGÀNH: VĂN HỌC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2912/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Văn học Việt Nam
- + Tiếng Anh: Vietnamese Literature

- Tên ngành đào tạo:

- + Tiếng Việt: Văn học
- + Tiếng Anh: Literature

- Mã số ngành đào tạo: 9229030.04

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

- + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Văn học
- + Tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Literature

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam là chương trình định hướng nghiên cứu, đào tạo đội ngũ nhân lực cao ở bậc tiến sĩ, có kiến thức và phương

pháp nghiên cứu chuyên sâu về văn học Việt Nam, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển tri thức mới, phát hiện nguyên lý, quy luật và giải quyết những vấn đề mới trong nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam, có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học và tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn liên quan tới văn học Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cung cấp kiến thức chuyên sâu về văn học Việt Nam, giúp người học tiếp cận những vấn đề khoa học mang tính cập nhật liên quan đến văn học Việt Nam. Cung cấp nền tảng phương pháp luận và những phương pháp nghiên cứu văn học Việt Nam vừa có tính chuyên sâu, vừa có tính đặc thù ở bậc cao.

- Cung cấp năng lực vận dụng những tri thức và phương pháp nghiên cứu hiện đại để có thể chủ động triển khai những nghiên cứu về các vấn đề của nền văn học Việt Nam. Cung cấp những kỹ năng nghề nghiệp để người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở những lĩnh vực nghề nghiệp liên quan đến văn học Việt Nam: nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu chuyên ngành; giảng dạy văn học Việt Nam (tại các cấp học và hình thức đào tạo khác nhau); tham gia công tác tại các cơ quan báo chí, xuất bản và các cơ quan quản lý văn hóa có liên quan đến văn học Việt Nam...

- Tạo dựng tinh thần làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, có năng lực tự chủ đối với các vấn đề khoa học.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Cụ thể, đối tượng tuyển sinh cần đáp ứng một trong những điều kiện sau đây về văn bằng:

- Có bằng thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành/chuyên ngành phù hợp 1;

- Có bằng thạc sĩ các ngành thuộc nhóm ngành/chuyên ngành phù hợp 2 hoặc các

trường hợp khác (nếu có);

- Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học. Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ nghiên cứu làm người hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động

nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có);

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

3.2.3. Yêu cầu về ngoại ngữ

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQGHN tương đương trình độ bậc 4/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được ĐHQGHN chấp nhận.

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy chuẩn của chương trình đào tạo (nếu có), trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3.2.4. Yêu cầu khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng kí dự tuyển.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1: Văn học; Văn học Việt Nam.
- Ngành phù hợp 2: Lý luận văn học; Văn học dân gian; Văn học nước ngoài; Văn học so sánh; Việt Nam học; Hán Nôm; Ngôn ngữ Việt Nam; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam.

- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQG trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với ngành phù hợp 2

STT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học	2
2	Văn học trung đại Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn văn hoá	2
3	Loại hình học tác giả văn học trong văn học trung đại Việt Nam	2
4	Các vấn đề đương đại của văn học Việt Nam	2
Tổng		8

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 3-5 NCS/ 1 năm).

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có hệ thống, chuyên sâu mang tính lý luận và thực tiễn, có những đóng góp mới đối với khoa học và thực tiễn, phù hợp với ngành Văn học Việt Nam.

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là sản phẩm nghiên cứu của chính tác giả

thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong các công trình nghiên cứu nào của người khác, bảo đảm liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của tập thể trong đó tác giả có đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể cho phép tác giả sử dụng kết quả chung để viết luận án.

- Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, độ dài không quá 300 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu và đóng góp quan trọng nhất của luận án.

2. Yêu cầu về số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố

- Công bố tối thiểu (trong thời gian làm nghiên cứu sinh) kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ), có tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

+ Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);

+ Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;

+ Có 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do

các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỉ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.

3. Chuẩn đầu ra về kiến thức

3.1. Kiến thức chung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO 1. Lý giải được những quy luật phổ biến của sự tồn tại, vận động, phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người; xác định được thế giới quan, phương pháp luận khoa học cho nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

3.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)

PLO 2 (*Kiến thức cơ sở*). Hệ thống hóa được các kiến thức nền tảng trong nghiên cứu văn học theo các hệ vấn đề về bản sắc văn hóa và văn hóa Việt Nam trong lịch sử giao lưu, phát triển của văn học và hệ thống lý luận, phương pháp nghiên cứu văn học cơ bản để ứng dụng vào thực tiễn văn học và thực tiễn xã hội.

PLO 3 (*Kiến thức chuyên ngành*). Xác định và hệ thống hóa được những nội dung nghiên cứu thuộc hướng chuyên ngành văn học Việt Nam: Xác định được các nội dung nghiên cứu thuộc chuyên ngành văn học Việt Nam như: phân tích được các hiện tượng của văn học Việt Nam từ trung đại đến hiện đại, bao gồm vấn đề chuyên sâu về các thể loại, loại hình tác giả, thi pháp, đặc trưng thẩm mỹ của văn học Việt Nam... theo các quy luật vận động ở từng giai đoạn trong lịch sử văn học; khảo sát và lý giải được những hiện tượng, vấn đề của nền văn học Việt Nam trong mối quan hệ so sánh với văn học dân gian và các nền văn học trên thế giới; hệ thống hóa được các phương pháp nghiên cứu có tính đặc thù trong nghiên cứu văn học Việt Nam.

3.3. Học phần tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

PLO 4. Đánh giá được các vấn đề chuyên sâu về thể loại, trào lưu hay trường phái... từng tồn tại trong lịch sử văn học Việt Nam.

PLO 5. Đưa ra được các ý kiến mới về các vấn đề của văn học Việt Nam theo các hệ thống lý thuyết chuyên ngành và cách tiếp cận liên ngành.

PLO 6. Sáng tạo, phát triển các lý thuyết và tri thức mới liên quan đến ngành Văn học Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO 7. Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển;

PLO 8. Kỹ năng viết bài nghiên cứu, trình bày và trao đổi học thuật bằng ngoại ngữ liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.

PLO 9. Kỹ năng trình bày vấn đề nghiên cứu dưới dạng bài viết khoa học; kỹ năng trình bày vấn đề nghiên cứu dưới dạng thuyết trình và tranh luận...

PLO 10. Kỹ năng phát hiện vấn đề và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề; tư duy phản biện trong khoa học và thực tiễn; đánh giá và đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp cho công tác hoạch định và thực hiện chính sách.

PLO 11. Kỹ năng thiết kế, quản lý và triển khai một cách độc lập và sáng tạo các hoạt động nghiên cứu lý thuyết và ứng dụng liên quan đến văn học Việt Nam; khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn.

5. Về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 12. Nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới, đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.

PLO 13. Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.

PLO14. Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.

PLO15. Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

PLO 16. Tôn trọng, tiếp thu thành tựu nghiên cứu khoa học của người khác, có thái độ liêm chính học thuật và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

6. Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ chuyên ngành, người tốt nghiệp phải có khả năng và trình độ nghiên cứu khoa học độc lập, có thể nghiên cứu ở các viện nghiên cứu, có thể trở thành giảng viên ở các trường đại học/ cao đẳng, giáo viên các trường chuyên bậc phổ thông trung học, hoạt động trong các lĩnh vực báo chí, xuất bản, khoa học xã hội và nhân văn hoặc trong các cơ quan quản lý văn học nghệ thuật...

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Với những kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đã đạt được, nghiên cứu sinh có thể tự mình rèn luyện thêm về ngoại ngữ, chuyên môn để thực hiện các đề tài nghiên cứu lớn hơn, hoặc đăng kí các chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ trong và ngoài nước, tự nâng

cao trình độ trong chính công việc mà mình đảm nhiệm.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	90 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	10 tín chỉ
+ Bắt buộc:	04 tín chỉ
+ Tự chọn:	06 tín chỉ/ 12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	08 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học <i>(không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT)</i>	
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo <i>(không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT)</i>	
- Luận án tiến sĩ:	72 tín chỉ

1.2 Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	124 tín chỉ, trong đó:
- Học phần bổ sung:	34 tín chỉ
+ Bắt buộc:	12 tín chỉ
+ Tự chọn:	22 tín chỉ/ 44 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	10 tín chỉ
+ Bắt buộc:	04 tín chỉ
+ Tự chọn:	06 tín chỉ/12 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	08 tín chỉ
+ Chuyên đề tiến sĩ:	06 tín chỉ
+ Tiểu luận tổng quan:	02 tín chỉ
+ Nghiên cứu khoa học <i>(không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong</i>	

CTĐT)

- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo (không tính số tín chỉ nhưng là yêu cầu bắt buộc trong CTĐT)

- Luận án tiến sĩ:

72 tín chỉ

2. Khung chương trình

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần tiến sĩ		10				
I.1	Các học phần bắt buộc		4				
1	LIT8062	Hệ thống thể loại trong văn học Việt Nam <i>Genre system in Vietnamese literature</i>	2	30	0	70	
2	LIT8063	Triết học phương Đông và văn học trung đại Việt Nam <i>Oriental Philosophy and Vietnamese Medieval Literature</i>	2	30	0	70	
I.2	Các học phần tự chọn		6/12				
3	LIT8057	Thơ Việt Nam 1945 - 1975 dưới cái nhìn toàn cảnh <i>Poetry of Viet Nam from 1945 to 1975 in a Panoramic View</i>	3	45	0	105	
4	LIT8018	Tự lực văn đoàn trong tiến trình văn học dân tộc <i>Self-Reliant Group in the Evolution of the National Literature.</i>	3	45	0	105	
5	LIT8058	Các hệ thống lý thuyết trong nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại <i>The Theoretical Systems in Researching Vietnamese Modern Literature</i>	3	45	0	105	
6	LIT8079	Tư tưởng lý luận, phê bình văn học Việt Nam trung đại <i>Medival Vietnamese Literary Theory and Criticism</i>	3	45	0	105	
II	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
II.1	Chuyên đề tiến sĩ		6				

7	LIT8059	Chuyên đề 1 <i>Special topic 1</i>	2	5	0	95	
8	LIT8060	Chuyên đề 2 <i>Special topic 2</i>	2	5	0	95	
9	LIT8061	Chuyên đề 3 <i>Special topic 3</i>	2	5	0	95	
II.2	Tiểu luận tổng quan		2				
10	LIT8036	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	5	0	95	
II.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
III	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
VI	Luận án		72				
11	LIT9005	Luận án Tiến sĩ <i>PhD Thesis</i>	72	0	0	3600	
Tổng cộng			90				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Học phần bổ sung		34				
I.1	Các học phần bắt buộc		12				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	LIT6064	Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học <i>Vietnam Identity through Literary Exchanges</i>	2	30	0	70	
3	LIT6127	Nghiên cứu văn học dân gian từ góc nhìn văn hóa <i>Researching Folk Literature from Cultural Perspectives</i>	2	30	0	70	
4	LIT6069	Lịch sử phê bình văn học phương Tây <i>History of Western Literary Criticism</i>	2	30	0	70	
5	LIT6063	Một số vấn đề lý luận của văn học hiện đại và hậu hiện đại	2	30	0	70	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>Some Theoretical Issues of Modern and Postmodern Literature</i>					
I.2.	Các học phần tự chọn		22/44				
6	LIT6012	Văn học trung đại Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn văn hóa <i>Cultural Approach to Vietnamese Medieval Literature</i>	2	30	0	70	
7	LIT6105	Loại hình học tác giả văn học trong văn học trung đại Việt Nam <i>Typology of Writer in Vietnamese Medieval Literature</i>	2	30	0	70	
8	LIT6061	So sánh văn luận Đông – Tây <i>Comparative Study of Western and Eastern Literary Criticism</i>	2	30	0	70	
9	LIT6128	Trần thuật Việt Nam hiện đại và đương đại <i>Modern and Contemporary Vietnamese Narratives</i>	2	30	0	70	
10	LIT6059	Các bình diện thẩm mỹ của văn học trung đại Việt Nam <i>The Aesthetic Aspects of Medieval Literature</i>	2	30	0	70	
11	LIT6129	Sự chuyển đổi hệ hình trong văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX <i>Vietnamese Literature's Paradigm Shifts in the Early Twentieth Century</i>	2	30	0	70	
12	LIT6065	Thể loại phê bình văn học trong văn học Việt Nam hiện đại <i>Genre of Literary Criticism in the Modern Vietnamese Literature</i>	2	30	0	70	
13	LIT6100	Sự vận động của văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại <i>The Evolution of Narrative Prose in Vietnamese Medieval Literature</i>	2	30	0	70	
14	LIT6008	Đặc điểm thơ Việt Nam 1945 - 1975 <i>Features of Vietnamese Poetry</i>	2	30	0	70	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		<i>in the Period 1945-1975</i>					
15	LIT6130	Các vấn đề đương đại của văn học Việt Nam <i>Contemporary Issues in Vietnamese Literature</i>	2	30	0	70	
16	LIT6131	Kịch Việt Nam hiện đại <i>Modern Vietnamese Drama</i>	2	30	0	70	
17	LIT6132	Vấn đề con người trong văn học Việt Nam đương đại <i>Human Issues in Vietnamese Contemporary Literature</i>	2	30	0	70	
18	LIT6009	Lý thuyết tư duy thơ <i>Theory of Poetic Thought</i>	2	30	0	70	
19	LIT6167	Các vấn đề nghiên cứu phong cách tác giả - trường hợp Nguyễn Tuân <i>Issues of Artistic Style - the Case of Nguyen Tuan</i>	2	30	0	70	
20	LIT6125	Mối quan hệ giữa Folklore và văn học <i>The Relation between Folklore and Literature</i>	2	30	0	70	
21	LIT6152	Các vấn đề hiện đại và đương đại của Folklore <i>Modern and Contemporary Issues of Folklore</i>	2	30	0	70	
22	LIT6003	Những vấn đề thi pháp học <i>Issues of Poetics</i>	2	30	0	70	
23	LIT6062	Lý thuyết tự sự học <i>Narratology Theory</i>	2	30	0	70	
24	LIT6070	Lý luận văn học so sánh <i>Comparative Literary Theory</i>	2	30	0	70	
25	LIT6146	Lý thuyết liên văn bản <i>Intertextuality Theory</i>	2	30	0	70	
26	LIT6094	Tiếp nhận văn học hiện đại và đương đại Trung Quốc ở Việt Nam <i>Reception of Modern and Contemporary Chinese Literature in Vietnam</i>	2	30	0	70	
27	LIT6096	Mỹ học Ấn Độ cổ điển và ảnh hưởng đối với văn học Việt Nam <i>Classical Indian Aesthetics and Influence to Vietnamese Literature</i>	2	30	0	70	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
II	Học phần tiên sĩ		10				
II.1	Các học phần bắt buộc		4				
28	LIT8062	Hệ thống thể loại trong văn học Việt Nam <i>Genre system in Vietnamese literature</i>	2	30	0	70	
29	LIT8063	Triết học phương Đông và văn học trung đại Việt Nam <i>Oriental Philosophy and Vietnamese Medieval Literature</i>	2	30	0	70	
II.2	Các học phần tự chọn		6/12				
30	LIT8057	Thơ Việt Nam 1945 - 1975 dưới cái nhìn toàn cảnh <i>Poetry of Viet Nam from 1945 to 1975 in a Panoramic View</i>	3	45	0	105	
31	LIT8018	Tự lực văn đoàn trong tiến trình văn học dân tộc <i>Self-Reliant Group in the Evolution of the National Literature.</i>	3	45	0	105	
32	LIT8058	Các hệ thống lý thuyết trong nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại <i>The Theoretical Systems in Researching Vietnamese Modern Literature</i>	3	45	0	105	
33	LIT8079	Tư tưởng lý luận, phê bình văn học Việt Nam trung đại <i>Medival Vietnamese Literary Theory and Criticism</i>	3	45	0	105	
III	Chuyên đề tiên sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH		8				
III.1	Chuyên đề tiên sĩ		6				
34	LIT8059	Chuyên đề 1 <i>Special topic 1</i>	2	5	0	95	
35	LIT8060	Chuyên đề 2 <i>Special topic 2</i>	2	5	0	95	
36	LIT8061	Chuyên đề 3 <i>Special topic 3</i>	2	5	0	95	
III.2	Tiểu luận tổng quan		2				
37	LIT8036	Tiểu luận tổng quan <i>Overview of Literature</i>	2	5	0	95	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
III.3	Nghiên cứu khoa học NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn						
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.						
V	Luận án		72				
38	LIT9005	Luận án PhD. Thesis	72	0	0	3600	
Tổng cộng			124				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá



